

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 23

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn số 24:

“Phục thứ Long Vương, nhược ly sân nhuế, tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát?

- Nhất, vô tổn não tâm.
- Nhị, vô sân nhuế tâm.
- Tam, vô tranh tụng tâm.
- Tứ, nhu hòa chất trực tâm.
- Ngũ, đắc thánh giả từ tâm.
- Lục, thường tác lợi ích an chúng sanh tâm.
- Thất, thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính.
- Bát, dĩ hòa nhĩ cố, tộc sanh phạm thế.

Thị vi bát.

Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm”.

[Nghĩa là: Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa giận dữ, liền được tám thứ tâm pháp hỷ duyệt. Những gì là tám?

Một là, không có tâm làm tổn não ai.

Hai là, không có tâm giận dữ.

Ba là, không có tâm gây sự kiện cáo.
Bốn là, có tâm nhu hòa, ngay thực.
Năm là, được từ tâm của bậc Thánh giả.
Sáu là, tâm thường làm việc lợi ích, an vui cho chúng sinh.
Bảy là, thân tướng đoan nghiêm, chúng đều tôn kính.
Tám là, vì sự hòa nhẫn, chóng sinh lên thế giới Phạm thiên.

Ấy là tám pháp. Nếu đem tám pháp ấy hồi hướng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sau khi thành Phật, được tâm vô ngại của Phật, người trông không chán.]

(Chúng ta cũng đã nghe hết pháp vui vẻ thứ 7, đó là thân tướng đoan nghiêm, chúng đều tôn kính. Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về pháp vui vẻ thứ 8)

Thứ tám, **“Dĩ hòa nhẫn cố, tốc sanh phạm thế** (nghĩa là do hòa nhẫn sớm được sanh cõi trời phạm thiên).

Đây là tám điều. “Hòa” và “Nhẫn” đều là tánh đức, là tự tánh vốn có đầy đủ của tất cả chúng sanh. Vậy mà ngày nay tánh đức ấy bị tập khí, phiền não làm chướng ngại nên không thể hiện tiền. “Hòa” nghĩa là cùng chung sống hòa thuận với tất cả chúng sanh, còn “Nhẫn” là có thể tiếp nhận tất cả cảnh giới thiện ác, thuận nghịch.

Xã hội ngày nay giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, trái đất “thu nhỏ” như một ngôi làng mà trái đất lại có nhiều người, nhiều sinh vật đều cùng sống chung vậy, thì rõ ràng điều quan trọng nhất là phải cùng sống “hòa”, sống “nhẫn”. Nếu hai bên không thể hòa thuận, nhẫn nhường lẫn nhau chắc chắn sẽ phát sinh xung đột, chiến tranh, tiếp đó là đủ điều bất hạnh theo sau. Ý niệm, tâm của chư Phật, Bồ tát, đại Thánh đại Hiền đều vì cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, mà cách cứu độ nhất định là bằng cách “hòa” và “nhẫn”. Nhưng sao vẫn không thực hiện được? Vì người đời tạo mười ác, bất thiện nghiệp khiến hòa và nhẫn không được thực hành. Đây chính là nguyên nhân lý giải việc không tránh khỏi thiên tai nhân họa.

Cho nên Đức Thế Tôn từ bi vì chúng ta mà giảng về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hơn thế người còn dạy cho chúng ta hiểu rằng Báo Độ (tức cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ) của 10 phương chư Phật là bình đẳng,

nhưng Phàm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ không như nhau. Nhưng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, Đồng Cư Độ, Phương Tiện Độ ngang bằng với Tịch Quang Độ, Thật Báo Độ. Đây là bất khả tư nghị, là sự tán thán của chư Phật. Cho nên, không vị Phật nào không khuyên bảo chúng ta cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sự thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là vậy.

Đối với những pháp môn khác, ví dụ tu đắc Sơ thiền thì tương lai chẳng qua là được sanh trời Sơ thiền mà thôi. Thế nhưng Sơ thiền cũng không dễ thành tựu. Thiền định của sơ thiền phải khắc phục được ngũ dục lục trần thì mới có thể sanh Sắc giới thiên. Còn ngày nay, chỉ cần còn tiếp xúc với sáu trần thì sáu căn của chúng ta vẫn còn động tâm với ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù, tức là chúng ta vẫn còn ở Dục giới, chưa có phần nào đạt đến Sắc giới. Vậy nên mới nói muốn thành tựu công phu thiền định là không hề dễ dàng. Người ở cõi Trời Sắc giới không động tâm với mừng, giận, buồn, vui mà nhà Phật gọi là “bát phong suy bất động” có nghĩa là “tám ngọn gió thổi không lay động” Đây là cảnh giới của Sơ thiền. Nếu định công phu chưa đạt Sơ thiền thì Phật pháp gọi là “vị đáo định” (nghĩa là chưa đạt được thiền định), còn công phu của Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thì càng sâu hơn nhưng vẫn chưa ra khỏi Tam giới.

Người niệm Phật nếu đạt công phu Sơ thiền thì có thể niệm Phật Tam muội. Niệm Phật Tam muội thì công phu chưa sâu lắm, tức là công phu thành khối, như thế cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng chắc chắn được vãng sanh. Chúng ta đều chưa đạt đến công phu Sơ thiền nhưng cũng có chút gì gọi là “vị đáo định”. Lúc lâm chung thì phải xem duyên phận của chúng ta, nếu duyên thù thắng thì có thể vãng sanh, duyên không thù thắng thì khi ấy có oan gia trái chủ đến quấy rối, chướng ngại cản trở đến liền, không thể vãng sanh.

Cho nên “ngoài không vương tướng, trong không động tâm” rất quan trọng, đó thật sự là buông xả hết duyên thế gian. Việc đời chẳng còn tương quan đến ta nữa; người tốt cũng được, người xấu cũng được, việc tốt cũng được, việc xấu cũng được. Chúng ta dùng tâm bình đẳng để xử sự, đối nhân và tiếp vật nhưng không phân biệt, chấp trước. Chúng ta ngày ngày niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, mong muốn thành tựu, thì trong đời sống thường ngày, tùy duyên không phan duyên. Lòng không gì ngoài câu niệm “A Di Đà

Phật” thì chắc chắn vãng sanh nơi tịnh độ. Cho nên pháp môn niệm Phật dễ thành tựu là vậy.

Trong những điều kiện để vãng sanh Tịnh độ, “hòa” và “nhẫn” rất quan trọng. Phải hòa thuận với tất cả chúng sanh. Người hòa thuận với mình, mình hòa thuận với người. Người bất hòa với mình, mình vẫn cứ hòa thuận với người. Dù trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, dù với người thiện hay người ác, hết thấy đều phải “nhẫn”, chuyện đã qua không giữ trong lòng. Đây mới thực sự là nhẫn. Còn như cứ khư khư mọi việc để trong lòng thì “nhẫn” khó lụy xiết bao, không để trong lòng thì “nhẫn” rất tự tại, mọi việc tùy duyên không phan duyên. Làm điều lợi cho chúng sanh là việc tốt, nhưng việc tốt cũng phải hữu duyên, vô duyên rồi dầu muốn cũng không làm được, lại còn sanh phiền não, sanh chuyện khổ đau! Cho nên Đức Phật trụ ở thế gian để dạy chúng ta rằng vạn sự tùy duyên không phan duyên. Phan duyên là muốn làm điều theo ý bản thân, còn tùy duyên là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Hiểu rõ được “hòa” và “nhẫn” tự nhiên sẽ đoạn ác tu thiện.

Chúng ta tỉ mỉ quan sát người, lấy người làm gương soi mình. Thấy người có lỗi thì ngoảnh đầu nghĩ lại tự phản tỉnh chính mình. Chúng ta thấy người bất hòa, thấy đoàn thể bất hòa, thấy quốc gia bất hòa, thấy tôn giáo bất hòa, thường đối nghịch, chiến tranh; vậy có khi nào chúng ta tự hỏi bản thân đã sống hòa thuận với mọi người chưa? Nếu không thì tại sao? Có phải chính vì ác nghiệp tập khí quá nặng?

Nếu không có ác nghiệp, tâm ta là thuần thiện thì khi khởi tâm động niệm, lời nói việc làm nhất định tương ứng với mười thiện nghiệp, “hòa”, “nhẫn” tự nhiên được thực hành. Mặc dù không gặp được pháp môn Tịnh độ, không biết cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, thì quả báo đời sau là sanh Phạm Thiên. Phạm Thiên là Sắc giới Thiên, không phải là Dục giới Thiên. Cho nên người không học Phật, quả báo của họ cũng thù thắng. Còn “Trời” (tức “Thiên”) mà các tôn giáo khác thường nhắc đến chính là Dục giới Thiên. Làm sao biết được chúng ta ở Dục giới Thiên? Đó là khi chúng ta vẫn chưa đoạn ham muốn, chưa lìa phiền não tập khí. Còn những tôn giáo bậc cao thì hiểu rõ đoạn ly ham muốn mới có thể sanh ở Phạm Thiên. Lìa sân hận có 8 loại công đức thù thắng, loại này là thù thắng nhất.

Ngày nay chúng ta thường đề xướng hòa bình. Hai chữ “hòa bình” nên giải thích thế nào đây? Chúng sanh trên toàn thế giới không phân biệt quốc

gia, chủng tộc, tôn giáo cùng “*chung sống hòa mục, đối đãi bình đẳng*” thì hòa bình mới được thực hiện. Cho nên chúng ta phải thực hành những lời dạy của Phật Đà trong chính đời sống hằng ngày. Từ xử sự, đối nhân đến tiếp vật đều phải “tự lợi, lợi tha”. Lấy nền tảng tu hành này phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, chắc chắn có thể mãn nguyện vọng trong đời này, thành tựu công đức thù thắng vãng sanh mà đời đời kiếp kiếp trước kia chúng ta không có được. Đây mới thực là người chân thật có trí huệ.

“Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc vô ngại tâm, quán giả vô yểm” (có nghĩa là: Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, sẽ được tâm vô ngại, người nhìn thấy không nhầm chán). Dem công đức của việc đoạn sân hận hồi hướng vô thượng Bồ đề, không cầu phước báo thế gian. Không cầu phước báo thế gian không phải không có phước báo mà phước báo sẽ càng thù thắng hơn. Phước báo hiện tiền không được để trong tâm, dứt khoát không sanh tâm hoan hỷ. Vậy khác nào không nhận phước báo! Dem công đức hồi hướng vô thượng Bồ đề, đến sau khi thành Phật thì quả báo thù thắng đúng là không thể nghĩ bàn.

Chữ “vô ngại” trong “đắc vô ngại tâm” nghĩa là không có chướng ngại, tức là **“tùy tâm sở dục nhi bất du cử”** (tức là có thể làm theo ý mình mà không lo vượt quá khuôn phép, quy củ) theo cách nói của Khổng Tử. Ở trong đại tự tại lại có thể cùng tất cả chúng sanh tương ưng, không trái ngược thế gian pháp. Đây chính là **“Phật pháp ở thế gian, không phá hoại pháp thế gian”**. Đối với thế xuất thế pháp đều không chướng ngại mới gọi là “pháp vô chướng ngại”. Đây thật sự là giải thoát, tức là như trong Kinh Hoa Nghiêm thường nói “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”

“Quán giả vô yểm” (nghĩa là người nhìn thấy không nhầm chán) là quả báo thù thắng. Câu này ý nói phàm người nào tiếp xúc chúng ta, dù nghe tên hay gặp mặt thì đều có thể sinh tâm hoan hỷ. Quả báo này là quả báo của tu mười thiện nghiệp đời đời kiếp kiếp trong đời quá khứ.

.....

Kinh văn 25: **“Phục thứ Long Vương, nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập?**

- **Nhất, đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ.**
- **Nhị, thâm tín nhân quả, ninh vẫn thân mạng, chung bất tác ác.**

- Tam, duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng.
- Tứ, trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết, kiết hung nghi vãng.
- Ngũ, thường sanh nhân thiên, bất canh ác đạo.
- Lục, vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.
- Thất, vĩnh ly tà đạo, hành u thánh đạo.
- Bát, bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.
- Cửu, trụ vô ngại kiến.
- Thập, bất đạo chư nạn.

Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông”.

[Nghĩa là: Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa tà kiến, liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười?

*Một là, được ý vui chân thiện và bạn bè chân thiện.
 Hai là, thâm tín nhân quả, thà bỏ thân mệnh trọn không làm ác.
 Ba là, chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần.
 Bốn là, lòng ngay, thấy chính, lìa hẳn hết thấy lưới ngò: tốt, xấu.
 Năm là, thường sinh trong cõi Nhân, Thiên, không sa đường ác.
 Sáu là, vô lượng phước tuệ, dần dần thêm hơn.
 Bảy là, lìa hẳn tà đạo, tu hành Thánh đạo.
 Tám là, không khởi thân kiến, bỏ mọi nghiệp ác.
 Chín là, trụ vào kiến giải vô ngại.
 Mười là, không sa vào những nạn xứ.*

Ấy là mười pháp. Nếu đem mười pháp ấy hồi hướng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sau khi thành Phật, mau chứng hết thấy pháp của Phật, thành tựu thần thông tự tại.]

“Tà kiến” là sự ngu si, cách nghĩ, quan niệm ngược lại hoàn toàn với tự tánh thì gọi là si. Ngu si mà biểu hiện ra bên ngoài thì gọi là tà tri tà kiến (Nghĩa là cái thấy, biết sai lầm). Xa lìa ngu si còn khó hơn cả việc xa lìa tham dục và sân hận. Đức Phật ví việc đoạn si hoặc này giống như ngó sen, đứt lìa rồi đây, vẫn còn vương tơ, không gì dễ đoạn tuyệt.

Trong mười điều ác thì chín điều trước, chúng ta chỉ cần trì giới, thì thân, khẩu sẽ không phạm giới; còn tu định thì có thể đoạn tham, sân. Chỉ có si, nhất định phải mở trí huệ thì mới có thể đoạn trừ. Sở dĩ chúng sanh khởi tham sân, tạo sát, đạo, dâm, vọng, v.v.. đều do ngu si mà ra. Từ đó mà biết được khai sáng trí huệ rất quan trọng, và đó cũng là mục tiêu cuối cùng của việc tu học Phật pháp.

Muốn khai trí huệ nhất định phải dựa vào “giới” để được “định”, vì “định” sẽ khai “huệ”. Đây là quá trình mà tất cả chư Phật mười phương ba đời tu học, chúng ta cũng không ngoại lệ. Còn nếu tu học vẫn không thể khai trí huệ thì nguyên nhân do đâu? Là do giới không thanh tịnh, không được “định”, đương nhiên không có huệ. Trí tuệ mà không có giới định, Phật pháp gọi là “Thế trí biện thông”, còn trong nhà Nho gọi là “ký vấn chi học” (nghĩa là học bằng cách ghi nhớ, tìm hiểu, hỏi han), tức là học biết do nghe nhiều, thấy nhiều, nhớ nhiều, ghi chép nhiều chứ không phải do tự tánh hiển lộ, nên không tính là trí huệ. Mà nhà Nho cũng cho rằng “*ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã*” (tức là cách học bằng ghi nhớ, tìm hiểu, hỏi han này thì không đủ để trở thành thầy người khác). Từ đó có thể thấy, có tu, có chứng mới có thể làm thầy người. Cái gọi là “có tu” đó chính là lấy sở học của bản thân mà thực hành. Lấy Phật pháp mà nói thì thực hành chính là trì giới. Trì giới mới có thể được định, thiền định sâu mới có thể khai trí huệ, định cạn thì không có trí huệ. Phật pháp nói là “Tứ thiền bát định” cũng chưa có trí huệ nên cũng không ra khỏi Tam giới, còn A La Hán tu là định thứ chín thì có thể thoát Tam giới.

Muốn khai trí huệ không thể không buông xả. Không buông xả là chướng ngại lớn nhất của khai trí huệ. Không buông xả được không phải vì chúng ta không thể mà vì chúng ta không chịu buông xả. Điều này phải tự mình làm chứ không thể cầu người giúp, tự mình chịu buông. Việc này thật khó chứ chẳng dễ dàng gì, vậy nên mới nói người tu hành từ xưa đến giờ có thể thành tựu, có thể khai ngộ chúng quả đều là người biết buông xả.

“Hà đẳng vi thập?” (là những gì là mười) ý nói về mười loại pháp công đức, mười loại lợi ích.

Thứ nhất: “Đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ” (nghĩa là được ý vui chân thật, bạn bè cũng chân thật).

“Chân thiện ý lạc” tức là “chân lạc”, không phải lạc trong khổ lạc. Lạc trong khổ lạc không phải chân lạc, Phật giáo gọi đó là “hoại khổ”, thế nên nó không được xem là chân lạc. Chân thiện ý lạc chính là thường sanh tâm hoan hỷ, bởi vì thường sanh trí huệ, mới được chân pháp hỷ, chân thật pháp lạc.

“Chân thiện đẳng lữ” chính là thường được gần gũi chân thiện tri thức, làm bạn lữ với chân thiện tri thức, bạn lữ chính là đạo hữu cùng tu. Nên nếu chúng ta vẫn còn tà kiến thì sẽ không có được thọ dụng thù thắng này. Người có tà kiến khởi tâm động niệm đều phụ thuộc phiền não, thường sanh phiền não, sầu lo, nghi hoặc; bất luận làm việc gì đều không dám quyết định. Đây là do ngu si mà thành.

Đoạn ngu si tuy khó, chúng ta cũng phải cố gắng, đoạn một phần ngu si thì được một phần thọ dụng, đoạn hai phần ngu si thì được hai phần thọ dụng vậy.

Cái gốc của tà kiến chính là “ngã kiến”, “thân kiến”. Người tu hành không lìa khỏi phiền não, không thoát khỏi tập khí, nguyên nhân chính là chấp trước cái thân này là “ngã” (là ta), khởi tâm động niệm tự tư tự lợi. Mà chỉ cần có ý niệm ấy khởi sinh thì tham, sân nhất định theo đó khởi lên. Mà hễ không khắc phục được tham, sân phiền não thì quả báo chắc chắn vào ba đường ác. Cái gọi là “phục” tức là có công phu làm cho mười nghiệp ác không khởi hiện hành, nếu như không “phục” được những phiền não này, thì niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Điều kiện của vãng sanh là “một lòng chuyên niệm”, chưa đoạn phiền não chính là xen tạp, công phu xen tạp, không thuần thì không thể vãng sanh. Đức Phật dạy cái thân này là do “Tứ đại, ngũ uẩn giả hợp mà sanh ra” chứ nào phải thật, “*duyên sanh chi pháp, đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (*Nghĩa là pháp do duyên sanh, chẳng có tự tánh, đương thể tức không, trọn chẳng thể có được*). Chúng ta tự cho rằng thân này là của mình, thuộc về mình nên xem trọng nó, giữ lòng chấp trước kiên cố, nguyên nhân này chính là nghiệp nhân đọa lạc cõi ngạ quỷ.

Bản thân không phải là người chân thiện ắt không gặp được chân thiện tri thức. Dầu Đức Phật và Bồ tát ở ngay cạnh thì ta cũng chẳng thấy được vì phiền não hiện hành làm khuất lấp. Còn như giữ được tâm địa thuần thiện thì người, vật chung quanh mình cũng tự thành thiện tri thức, Phật, Bồ tát. Nó cũng giống như lời dạy của Đại sư Ngẫu Ích “*Cảnh duyên không tốt xấu, tốt*

xấu đều do tâm”. Chúng ta có trí huệ thật thì chư Phật, Bồ tát đều ở trước mặt; còn ta đã không có trí huệ thật thì dầu chư Phật, Bồ tát ở trước mặt cũng thấy chướng mắt. Vậy làm sao mới được pháp hỷ? Phải có được “chân thiện ý lạc” thì mới lãnh hội được lời dạy của Phật Đà, quả thật là giúp chúng ta phá mê khai ngộ, là khổ được vui. Là khổ chính là “phục phiền não”, “đoạn phiền não”, được chân thiện ý lạc.

Thứ hai, “thâm tín nhân quả, nình vẫn thân mạng, chung bất tác ác” (Nghĩa là: tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng chứ không làm ác).

Chỉ người đủ trí huệ chân thật, người thấu suốt chân tướng mới có thể làm được những điều này.

“Thâm tín nhân quả” tức tin sâu vào nhân quả. Chúng ta quá quen với câu *“trồng nhân thiện được quả thiện, tạo nhân ác gặp ác báo”*, nhưng lại không chịu tu thiện, như vậy chính là không “thâm tín nhân quả”. “Thâm tín” nghĩa là tin và thông suốt đạo lý nhân quả, thấu hiểu chân tướng sự thật. Chẳng hạn như đối với người học Phật thông thường thì với muỗi, kiến họ vẫn còn ý muốn giết_ đó chính là tập khí. Tuy biết nhân quả nhưng không đủ sâu nên hữu tình hay vô ý tạo nghiệp giết chóc, quả báo tương lai là không tránh được.

Có câu chuyện về Pháp sư An Thế Cao. Ngài từng hai lần đến Trung Quốc chỉ để trả nợ mạng sống của mình. Vì Ngài là người tu hành chứng quả nên Ngài biết rõ kiếp trước đã gây tội ngộ sát người khác thì đời này sẽ bị người khác ngộ sát. Cũng như câu nói *“Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định”* (nghĩa là “Một miếng ăn, một hớp nước đều được định sẵn”) thì quả báo nhất định có nhân, có duyên vậy. Bồ tát lấy đó làm gương để dạy cho chúng ta hiểu rằng “nhân do chúng ta tạo tác, nhất định có quả báo, quả báo nhất định phải tự ta gánh chịu”. Còn Nho giáo thì có câu rằng *“Ái nhân giả, nhân hằng ái chi”* (tức là thương yêu người thì người cũng thương yêu mình). Chúng ta thương yêu người chính là nhân; xã hội đại chúng tôn kính, thương mến chúng ta chính là quả. Ngược lại, chúng ta hận người, chán ghét người, thì xã hội đại chúng cũng sẽ hận chúng ta, chán ghét chúng ta y vậy. Thấu hiểu đạo lý này rồi, chúng ta thà bỏ thân mình cũng không chịu tạo ác.

Cổ đức ví dụ rất hay. Giả sử có một người có địa vị cao thuê chúng ta làm việc, điều kiện là phải giết một người vô tội. Giết được rồi thì ngôi vua

của người đó sẽ thuộc về chúng ta. Đối với người thâm tín nhân quả giết một thì tâm ta phải thực xa lìa tà kiến mới có thể làm được. Tà kiến chính là ngu si, người hồ đồ không tin nhân quả, nói cách khác là tin nhân quả nhưng không tin sâu thì không thể xem là người thấu suốt được.

Quả thật, từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã từng mang đủ các hình dạng thân tướng trải qua lục đạo, đời này được làm người mà “*cách ảm chi mê*” (nghĩa là: *mê khi cách ảm. Ảm có nghĩa là ngăn che. Cái thân tứ đại của con người gọi là thân “ngũ ảm” (ngũ ảm có nghĩa là năm món che đậy, năm món nào? sắc ảm, thọ ảm, tưởng ảm, hành ảm và thức ảm. Ngăn che cái gì? Ngăn che không cho thấy được tự tánh. Khi luân hồi, phải trải qua giai đoạn chuyển từ thân này sang thân khác, giai đoạn trung gian này gọi là giai đoạn “trung ảm”. Ví như 49 ngày sau khi chết và trước khi đầu thai thì đây chính là giai đoạn trung ảm, giai đoạn này liền bị mê mờ, không còn nhớ gì hết)* quên mất mọi việc trước đó. Tuy hiện tại quên hết, nhưng chủng tử nghiệp nhân trong A Lại Da Thức vĩnh viễn không mất đi. Vậy nên mới biết, ngôn ngữ hành vi, khởi tâm động niệm của bản thân thì tự thân phải chịu trách nhiệm. Nhân quả rất đáng sợ, chỉ có Chư Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Trong Kinh ghi chép lại chuyện các vị A La Hán nghe Đức Phật giảng Kinh, khi nghe đến việc ở địa ngục, nghĩ đến bản thân đã từng trải qua, nổi sợ hãi như vẫn còn trong tâm, cả người toát mồ hôi máu. Hiện tại chúng ta tuy không biết gì nhưng chỉ cần đoạn tham, sân, si thì có thể chứng được quả A La Hán. Lúc đó ắt có thể nhớ được những việc đời đời kiếp kiếp đã qua. Nhớ đến những việc đã qua trong lục đạo từng làm thiên vương, súc sanh, ngạ quỷ, cũng từng đọa địa ngục. Đường nào cũng đều trải qua rồi. Cho nên chúng ta và tất cả chúng sanh và Chư Phật Như Lai trải qua trong vô lượng kiếp đều có quan hệ quyến thuộc với nhau. Nếu chúng ta sát hại, ngược đãi, khinh thường chúng sanh thì khác nào đối đãi như vậy với chư Phật, cha mẹ của mình. Lời này hoàn toàn là sự thật. Cho nên chúng được A La Hán mới có thể thật sự không làm ác, niệm ác cũng không sanh. Chúng ta phải cố gắng nỗ lực học tập là vậy.

Thứ ba: “Duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng” (nghĩa là chỉ quy y Phật, không theo các thiên thần khác).

“Quy y” là chọn Đức Phật làm thầy, thuận theo giáo giới của Phật Đà mà tu học. Trí huệ của chư Thiên, thiện Thần cao hơn chúng ta, có thể dạy chúng ta nên chúng ta cũng phải kính trọng họ. Phần lớn chư Thiên, thiện Thần cũng quy y Phật. Chúng ta thường thấy Kinh Phật có nhắc đến Vua trời Đại Phạm, Vua trời Đạo Lợi thường thỉnh chư Phật Bồ tát đến Thiên cung để giảng Kinh thuyết pháp, cho nên chư Thiên, thiện Thần cũng là học trò của Đức Phật. Cõi trời tuy tốt nhưng “kiến tư phiến não” của họ chưa đoạn hết, nên trí tuệ của họ cao hơn chúng ta, phiến não của họ cũng nhẹ hơn chúng ta, phước báo của họ lớn hơn chúng ta, nhưng quả vị chứng đắc của họ chưa cứu cánh viên mãn. Vì vậy, chúng ta cần có một vị thầy thực sự có công đức viên mãn, trí huệ viên mãn để dạy chúng ta tu học.

Chúng ta chọn Đức Phật làm thầy, liệu chư Thiên Thiện thần này có trách chúng ta không? Chắc chắn là không. Trước kia chúng ta thờ Thần, bây giờ quy y Phật thì Thần cũng sẽ hoan hỷ tán thán, sẽ phò trợ chúng ta. Nếu có vị thần nào đó thấy chúng ta quy y Phật mà không vui mừng thì chắc chắn đây không phải chánh thần. Đó nhất định là yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái hại người còn chánh thần thì phò trợ người. Nhưng phải nhớ rằng, dầu chúng ta chọn Đức Phật làm thầy là quyết định chính xác, thì vẫn luôn nên giữ lòng tôn trọng, tán thán đối với các vị thần khác.

Ngài Phổ Hiền Bồ tát dạy chúng ta ***“lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường”***. Chúng ta đối với tất cả Thiên thần, Quỷ thần phải lễ kính, tán thán, cúng dường. Đối với quỷ thần có thái độ như vậy, thì đối với những chủng tộc khác và tôn giáo khác cũng phải lễ kính, tán thán, cúng dường. Đây là hạnh Phổ Hiền. ***“Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”, “tất cả chúng sanh vốn dĩ đều sẽ thành Phật”*** thật đúng là tâm lượng này bao la, là chánh tri chánh kiến. Nó hiển hiện ra lòng yêu thương tự nhiên với tất cả chúng sanh, còn quan trọng hơn so với yêu thương mạng sống của chính mình. Vì yêu thương chúng sanh, cứu độ chúng sanh dầu xả bỏ mệnh mình cũng không tiếc nuối. Sanh mệnh còn xả bỏ được huống chi là những vật ngoài thân? Lý nào không thể bỏ được, không thể cúng dường!

Nếu “Quy y Phật” thì thực hiện “quy y” thế nào? Chính là “thọ, trì, đọc, tụng, vì người diễn thuyết Phật pháp”. Làm được vậy mới thực sự là quy y. Tiếp nhận toàn bộ giáo pháp mà Đức Phật giảng dạy. “Trì” nghĩa là vĩnh viễn gìn giữ không bị mất đi, y giáo phụng hành, nếu biết mà cố phạm thì

xem như không “trì” được. Còn “đọc tụng” là việc lợi mình lợi người. Ngày ngày đọc tụng, ôn xưa biết nay chính là mỗi ngày tiếp nhận lời dạy của Đức Phật. Mở quyển Kinh đọc cũng giống như nghe Đức Phật thuyết pháp. Chữ “diễn” trong câu **“Vi người diễn thuyết Phật pháp”** nghĩa là phải làm cho được. Đức Phật dạy chúng ta Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta thực hành được mười thiện nghiệp chính là “thân giáo, biểu diễn”. “Thuyết” là vì người mà giảng giải. Ấy chính là ngôn giáo, đây là quy y Phật chân chánh. Ngược lại, chỉ học Kinh Phật mà không áp dụng vào đời sống thường ngày thì chỉ xem như cái vỏ hình thức có quy y, chứ chưa thực là quy y.

Chúc bạn:

Không làm các việc ác

Mỗi năm được bình an

Siêng làm các việc lành

Năm nào cũng như ý

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: «duongdenhanhphuc»

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!